

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MINH  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST  
Ngày 10 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Văn Đặng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Vân, ông Nguyễn Đình Bình.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:** Bà Đặng Thị Lại - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Vũ Văn G**; sinh năm 1983, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thắng L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không tốt, ngày 06/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện đã được xóa án tích; ngày 13/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Hiện đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn V**; sinh năm 1991, tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; vợ, con: Không có (đã ly hôn với chị Lý Thị H ngày 25/3/2021); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày

22/7/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Vàng Văn H, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn Ng, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Vàng Mí T, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người phiên dịch tiếng dân tộc Tày: Ông Hoàng Văn Q địa chỉ: Tổ 20, Phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 28/6/2022, Vũ Văn G đi xe khách từ nhà ra trung tâm thị trấn Y, huyện Y chơi, đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày G hỏi Vàng Văn H để mượn xe để đi vay tiền, thì H đồng ý và đưa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23M1-198... cho G mượn (chiếc xe này H mượn của Vàng Mí T). Sau khi mượn được xe, G điều khiển chiếc xe mô tô trên đi vòng quanh thị trấn Y để tìm người vay tiền nhưng không vay được tiền nên G điều khiển xe mô tô đi vào xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang, khi đến nhà Nguyễn Văn V hỏi vay tiền nhưng không được, khi được V hỏi là chiếc xe mô tô G đi là của ai, thì G có bảo là xe G mượn. G nảy sinh ý định lấy chiếc xe mô tô trên đi cầm để lấy tiền tiêu xài, G bảo với V là “Giờ đang không có tiền tao với mày lấy chiếc xe này đi cầm lấy tiền chia nhau”, V đồng ý và nói với G là V biết có quán cho cầm xe ở xã D, huyện Y, sau đó V điều khiển xe chở G đi vào xã D, huyện Y, trên đường đi thì V có hỏi xe này có giấy tờ xe không thì Giới bảo có. Khi đi đến xã D thì G, V đi vào cửa hàng điện thoại của Tấn Văn D, sinh năm 2000, trú tại thôn L xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, V bảo với D là V muốn cầm xe, thì D bảo D không nhận cầm xe, muốn cầm thì để D gọi điện thoại bảo người đến, V đồng ý, sau đó, D gọi điện thoại cho Trần Văn H1, sinh năm 1988, trú thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, bảo có người muốn cầm xe. Một lúc sau, H1 đến thì V nói với H1 là chiếc xe mô tô trên là của G mới mua chưa làm thủ tục sang tên nhưng hiện nay đang có việc gấp cần tiền muốn cầm xe. H1 kiểm tra giấy tờ xe thấy giấy tờ xe mang tên Vàng Mí T, sinh năm 2004, nên tin tưởng và nói là không nhận cầm xe, nếu bán thì mua. Sau đó, G và V bàn bạc và đồng ý bán xe cho H1 với số tiền là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), H1 đồng ý và yêu cầu V phải viết giấy bán xe nên V viết giấy bán xe cho H1 còn G ký vào phần người làm chứng. Sau đó, H1 đưa cho V số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), G và V bán xe kèm

theo đưa giấy tờ xe cho H1, còn căn cước công dân của chủ xe thì G cầm. Sau đó G và V chia số tiền trên, G lấy 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) còn V lấy 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Số tiền trên cả hai đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Yên Minh, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại xe WAVE ALPHA, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23M1-198... tại thời điểm ngày 28/6/2022 có trị giá là 16.100.000 đồng (mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-YM ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Vũ Văn G từ 15 đến 18 tháng tù; áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 đến 15 tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng mà H1 đã bỏ ra mua xe, các bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường được do hiện tại bị cáo không có tiền nên H1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần số tiền 6.000.000đ, cụ thể bị cáo G liên đới bồi thường theo phần số tiền là 4.000.000đ, bị cáo V liên đới bồi thường theo phần số tiền là 2.000.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; thời điểm thanh toán kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên, các bị cáo không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm và không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy nhiên tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi đến phiên tòa; xét thấy việc những người tham gia tố tụng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa và không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của chính các bị cáo, của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V một lần nữa thừa nhận, ngày 28/6/2022 Vũ Văn G, sinh năm 1983 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1991 cùng trú tại thôn C. xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã thực hiện hành vi mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23M1-198... của Vàng Văn H, sinh năm 2004, trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, xe mô tô là do H mượn của Vàng Mí T, sinh năm 2004, trú tại thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang để đi, rồi mang đi bán cho Trần Văn H1, sinh năm 1988, trú thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang với giá 6.000.000đ. Sau khi bán được xe mô tô G chia cho V 2.000.000, G được 4.000.00đ, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh là có căn cứ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, trong khi bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái

pháp luật nhưng vì mục đích muốn có tiền tiêu sài mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại trong việc cho mượn xe, sau khi có được tài sản trong tay các bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách bán đi để lấy tiền; do vậy, cần xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự, với mức hình phạt tương xứng với vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội, biết tuân thủ các quy định của Nhà nước và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Vũ Văn G là người khởi xướng, còn bị cáo Nguyễn Văn V là người giúp sức cùng Nguyễn Văn G mang xe mô tô đi bán nên Nguyễn Văn V là đồng phạm đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, không lên kế hoạch từ trước nên đây là đồng phạm giản đơn; bị cáo Vũ Văn G có nhân thân không tốt, cụ thể: Ngày 06/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 13/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Hiện đã được xóa án tích; bị cáo Nguyễn Văn V có nhân thân tốt phạm tội lần đầu. Do vậy khi lượng hình cần có mức án dành cho bị cáo G cao hơn so với bị cáo V. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo G có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không được học hành theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo V có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản để thực hiện hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng mà H1 đã bỏ ra mua xe, các bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường được do hiện tại bị cáo không có tiền nên H1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Trần Văn H1 vắng mặt tuy nhiên đã có quan điểm nêu trong đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị các bị cáo trả lại số tiền 6.000.000đ, các bị cáo đều đã đồng ý với yêu cầu của ông H1. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận này và căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới theo phần để trả lại tài sản là số tiền 6.000.000đ, cụ thể bị cáo G liên đới bồi



thường tương ứng với số tiền là 4.000.000đ, bị cáo V liên đới bồi thường tương ứng với số tiền là 2.000.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1; bị hại Vàng Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vàng Mí T không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Về vật chứng: Quá trình điều tra, ngày 11/7/2022 chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô và những giấy tờ liên quan là Vàng Mí T đã có đơn xin lại tài sản, nên ngày 04/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Minh đã ra quyết định xử lý vật chứng số 09/QĐ-ĐTTH trả lại cho toàn bộ tài sản trên cho Vàng Mí T là có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với hành vi của Trần Văn H1, khi mua chiếc xe mô tô trên các bị cáo nói chiếc xe mô tô là của Nguyễn Văn G mới mua chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, Trần Văn H1 thấy có đầy đủ giấy tờ xe nên tin tưởng mua chiếc xe mô tô trên mà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không đủ căn cứ để xử lý, là đúng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[14] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V mỗi bị báo phải nộp 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, tổng số tiền án phí mà mỗi bị cáo phải nộp là 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng).

[15] Do vậy quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Vũ Văn G 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 22/7/2022.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 22/7/2022.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quyết định tạm giam các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần số tiền 6.000.000đ, cụ thể bị cáo G liên đới bồi thường theo phần số tiền là 4.000.000đ, bị cáo V liên đới bồi thường theo phần số tiền là 2.000.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; thời điểm thanh toán kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3. Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, tổng số tiền án phí mà mỗi bị cáo phải nộp là 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng).

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**5. Về thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Cơ quan Điều tra CA huyện Yên Minh;
- Cơ quan THAHS CA huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- Bị cáo; bị hại; người CQLNVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Đặng**